

Họ và tên: _____

KIỂM TRA PHÉP CỘNG, TRỪ TRONG PHẠM VI 10



Bài 1. Tính

$5 + 2 - 7 = \square$

$3 + 4 - 5 = \square$

$7 - 6 + 4 = \square$

$4 + 3 - 2 = \square$

$3 + 4 - 6 = \square$

$7 - 3 + 5 = \square$

$3 + 3 + 2 = \square$

$5 + 2 - 4 = \square$

Bài 2. Số?

$5 + \square = 10$

$7 - \square = 7$

$\square - 1 = 4 + 2$

$7 + \square = 5 + 5$

$4 = \square - 3$

$\square + 3 = 3$

$6 + 1 = \square + 4$

$\square - 4 < 5 - 4$

Bài 3. Chọn dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp

$5 + 3 \square 7 - 4$

$7 - 3 \square 7 - 5$

$5 \square 7 - 3 + 2$

$7 - 1 \square 5 + 1$

$7 - 6 \square 5 - 3$

$5 + 3 - 2 \square 4 + 3 - 0$

Bài 4. Tích vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1/ Dãy số được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 1; 2; 5; 7; 4 ☐ B. 2; 3; 5; 6; 7 ☐ C. 9; 8; 6; 5; 4 ☐ D. 0; 3; 4; 5; 2 ☐

2/ Các số lớn hơn 0 và bé hơn 4 là:

- A. 1; 2; 3 ☐ B. 6; 7; 8 ☐ C. 0; 1; 2; 3 ☐ D. 5; 6; 7 ☐

3/ $\square - 6 = 1 + 0$. Số cần điền vào ô trống là:

- A. 0 ☐ B. 1 ☐ C. 6 ☐ D. 7 ☐

4/ $7 - 3 + 5 \square 7 - 4 + 6$. Dấu cần điền vào ô trống là:

- A. $>$ ☐ B. $<$ ☐ C. $=$ ☐ D. Không có dấu nào. ☐

5/ $7 - \square < 1 + 0$. Số cần điền vào ô trống là:

- A. 0 ☐ B. 1 ☐ C. 6 ☐ D. 7 ☐

Bài 5. Hãy điền dấu $+$ hoặc trừ thích hợp vào ô trống

$6 \square 4 = 10$

$10 \square 6 = 4$

$4 \square 6 = 10$

$10 \square 4 = 6$